

Số: 93 /TTT

V/v: tổng kết công tác báo cáo  
phản ứng có hại của thuốc (ADR)  
3 quý đầu năm 2014

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2014

- Kính gửi:** - Cục Quản lý Dược;  
- Cục Quản lý Khám chữa bệnh;  
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  
- Các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Với mục tiêu cập nhật thông tin về tình hình báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) và thúc đẩy hoạt động này tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, hướng tới sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (Trung tâm DI&ADR Quốc gia) và Trung tâm DI&ADR khu vực TP. Hồ Chí Minh (Bệnh viện Chợ Rẫy) đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích thông tin từ báo cáo phản ứng có hại của thuốc nhận được từ các cán bộ y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm trên phạm vi toàn quốc. Việc tổng kết công tác báo cáo ADR được thực hiện hàng quý và gửi tới các Vụ, Cục chức năng của Bộ Y tế, các chương trình y tế mục tiêu quốc gia, các Sở Y tế và các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Trung tâm DI&ADR Quốc gia xin trân trọng gửi đến quý đơn vị bản tổng kết công tác báo cáo ADR tích lũy đến hết quý 3 năm 2014 (phụ lục đính kèm) và mong tiếp tục nhận được sự hợp tác của quý đơn vị trong công tác giám sát phản ứng có hại của thuốc.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Y tế dự phòng;
- Cục Y Dược cổ truyền;
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo;
- Cục Phòng, chống HIV/AIDS;
- Chương trình chống lao Quốc gia;
- Chương trình phòng chống sốt rét Quốc gia;
- Viện kiểm nghiệm thuốc TW;
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng; Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ GTVT;
- Hội Dược học Việt Nam;
- Tổng hội Y học Việt Nam;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam;
- Pharma Group;
- Trung tâm DI&ADR khu vực (BV Chợ Rẫy) (để p/h);
- PGS. TS. Nguyễn Đăng Hòa (để b/c);
- Lưu trung tâm.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

**Nguyễn Hoàng Anh**

**PHỤ LỤC**  
**TỔNG KẾT CÔNG TÁC BÁO CÁO**  
**PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC (ADR) 3 QUÝ ĐẦU NĂM 2014**

*(Kèm theo công văn số 93 /TTT, ngày 29/09/2014 của Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc về việc tổng kết công tác báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) 3 quý đầu năm 2014)*

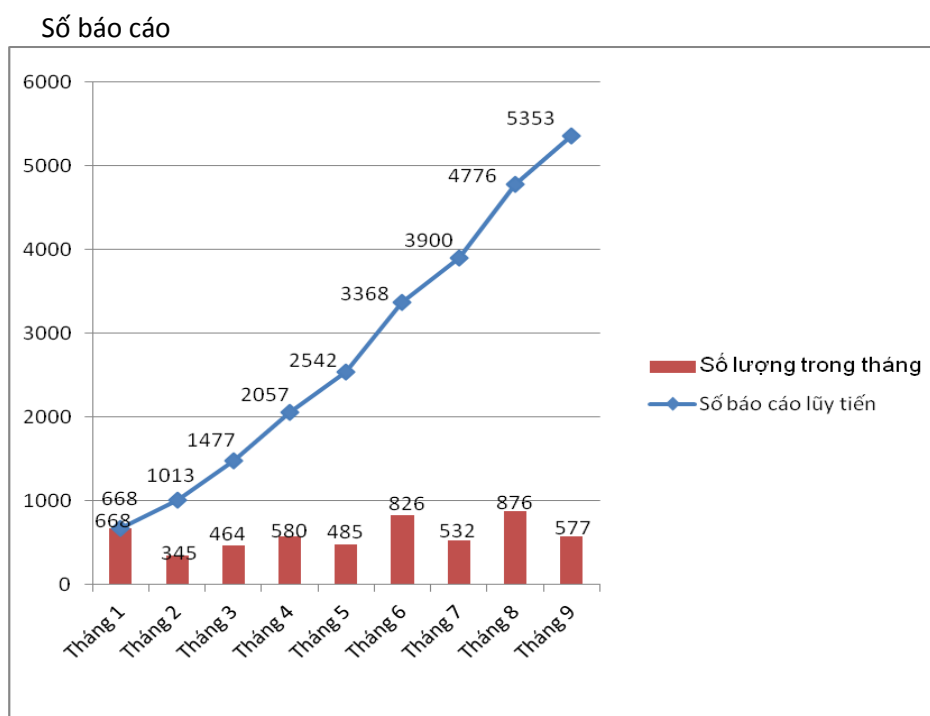
Tổng số báo cáo ADR Trung tâm DI&ADR Quốc gia đã tiếp nhận và xử lý trong 3 quý đầu năm là 5804 báo cáo (đạt 65,38 báo cáo/1 triệu dân). Trong đó, 5353 báo cáo ADR được gửi từ các cơ sở khám, chữa bệnh, 98 báo cáo tự nguyện có chủ đích gửi từ các cơ sở điều trị HIV/AIDS (TSR) và 360 báo cáo ADR nghiêm trọng xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm (trong đó, có 7 báo cáo trùng với báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh). Tổng số báo cáo nghiêm trọng là **2289** (chiếm **39,4%** tổng số báo cáo ghi nhận được trong 3 quý đầu năm 2014). Trong số các báo cáo ADR đã tiếp nhận, có 5297 báo cáo về phản ứng có hại của thuốc (98,9%), 49 báo cáo về chất lượng thuốc (0,9%) và 7 báo cáo loại khác (0,2%). Số lượng báo cáo ADR từ Chương trình phòng, chống HIV/AIDS là 415 (7,15%), Chương trình chống lao quốc gia là 739 (13,8%) và Chương trình phòng, chống sốt rét quốc gia là 85 (1,6%). Tỷ lệ phản hồi kết quả thẩm định báo cáo cho cán bộ y tế là 50,15% (2911 báo cáo).

**1. BÁO CÁO ADR TỪ CÁC CƠ SỞ KHÁM, CHỮA BỆNH**

**1.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO**

**1.1.1. Số lượng báo cáo đã thu nhận**

Số lượng báo cáo ADR nhận được tính đến ngày 15/09/2014 từ các cơ sở khám chữa bệnh là 5353 báo cáo. So với quý III năm 2013 (3522 báo cáo), số lượng báo cáo ADR đã tăng 1,5 lần. Chi tiết số lượng báo cáo đã nhận được lũy tiến từ tháng 1 đến tháng 9 được trình bày trong hình 1.



**Hình 1: Số lượng báo cáo ADR từ các cơ sở khám, chữa bệnh tích lũy từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2014**

Số lượng báo cáo ADR nhận được có thay đổi qua các tháng. Số lượng báo cáo thấp nhất vào tháng 2 (345 báo cáo, chiếm 6,4%) và nhiều nhất vào tháng 8 (876 báo cáo, chiếm 16,4%).

### 1.1.2. Thông tin chung về đơn vị báo cáo ADR

Thông tin về vị trí địa lý, tuyến, loại hình bệnh viện của các đơn vị báo cáo ADR được trình bày trong bảng 2.

**Bảng 2: Thông tin các đơn vị báo cáo ADR về vùng địa lý, tuyến, loại hình bệnh viện và loại hình bệnh viện trong 6 tháng đầu năm 2014**

		Số lượng	Tỷ lệ %
<b>Vùng địa lý</b>	Tây Bắc bộ	198	3,70%
	Đông Bắc bộ	782	14,61%
	Đồng bằng sông Hồng	1242	23,20%
	Bắc Trung bộ	484	9,04%
	Nam Trung bộ	615	11,49%
	Đông Nam bộ	1339	25,01%
	Đồng bằng sông Cửu Long	693	12,95%
<b>Phân tuyến chuyên môn kỹ thuật</b>	Trung ương	726	13,56%
	Tỉnh	2845	53,15%
	Huyện	1609	30,06%
	Y tế ngành	34	0,64%
	Bệnh viện đại học	10	0,19%
	Tư nhân	129	2,41%
<b>Loại bệnh viện</b>	Đa khoa	3252	60,77%
	Chuyên khoa	2101	39,25%
<b>Tổng</b>		5353	100,00%

#### **Nhận xét:**

Báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh ở vùng Đông Nam bộ chiếm tỷ lệ lớn nhất (25%), tiếp đến là đồng bằng sông Hồng (23,2%). Tây Bắc bộ là vùng có tỷ lệ báo cáo thấp nhất (3,7%).

Cơ sở y tế tuyến tỉnh tham gia báo cáo ADR với tỷ lệ cao nhất (53,2%), vượt xa các bệnh viện thuộc tuyến huyện (30,1%) và tuyến trung ương (13,6%). Các đơn vị ngoài công lập (các bệnh viện tư, các phòng khám tư,...) cũng đã tham gia báo cáo, tuy nhiên số lượng còn hạn chế (2,4%). Tỷ lệ báo cáo từ bệnh viện ngành là 0,6% và từ bệnh viện đại học là 0,2%.

Báo cáo chủ yếu tập trung từ các bệnh viện đa khoa với tỷ lệ là 60,8%.

### 1.1.3. Danh sách các đơn vị y tế gửi báo cáo

**Bảng 3: Danh sách tỉnh, đơn vị y tế gửi báo cáo ADR trong 9 quý đầu năm 2014**

Miền	Tỉnh	Tên Bệnh Viện	Số BC Theo BV	Số BC Theo Tỉnh	% BC Theo Tỉnh	
<b>Miền Bắc</b> SLBáo cáo: 198 Số tỉnh: 6 Số BV: 31 SLBáo cáo: 2221 Số tỉnh: 25 Số BV: 217	<b>Tây Bắc Bộ</b>	Bệnh viện Đa khoa Khu vực thị xã Mường Lay	2	69	1,29%	
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên	23			
		Bệnh viện Huyện Điện Biên	3			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Điện Biên	4			
		Trung tâm y tế huyện Mường Nhé	5			
		Trung tâm y tế huyện Tủa Chùa	9			
		Trung tâm y tế huyện Tuần Giáo	14			
		Trung tâm y tế TP. Điện Biên Phủ	9			
	<b>Hòa Bình</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Lạc	2	25	0,47%	
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình	20			
		Bệnh viện Đa khoa TP. Hòa Bình	3			
	<b>Lai Châu</b>	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu	6	16	0,30%	
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Lai Châu	2			
		Phòng khám đa khoa Khu vực Chăn Nưa	2			
		Trung tâm y tế huyện Than Uyên	6			
	<b>Lào Cai</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên	1	48	0,90%	
		Bệnh viện Đa khoa huyện Bát Xát	2			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Sa Pa	2			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Bàn	2			
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	4			
		Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai	28			
		Trung tâm y tế TP. Lào Cai	9			
	<b>Sơn La</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên	1	31	0,58%	
		Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Nhai	1			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Châu	1			
		Bệnh viện Đa khoa Mộc Châu	3			
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	12			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Sơn La	13			
	<b>Yên Bái</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Lục Yên	1	9	0,17%	
		Bệnh viện Đa khoa huyện Trấn Yên	5			
		Bệnh viện Nội tiết Yên Bái	3			
	<b>Đông Bắc Bộ</b>	<b>Bắc Giang</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Sơn Động	1	93	1,74%
			Bệnh viện Đa khoa huyện Việt Yên	2		
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Lục Ngạn			1			
Bệnh viện Đa khoa Lạng Giang			3			
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang			14			
Bệnh viện Đa khoa TP. Bắc Giang			4			
Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bắc Giang			60			
Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang			3			
Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang			5			

	<b>Bắc Kạn</b>	Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn	9	9	0,17%
	<b>Cao Bằng</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Uyên	12	16	0,30%
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	3		
		Bệnh viện Đa khoa Trà Lĩnh	1		
	<b>Hà Giang</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần	8	26	0,49%
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	1		
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực huyện Yên Minh	3		
		Bệnh viện Đa khoa Nà Chi	4		
		Bệnh viện Đa khoa Vị Xuyên	6		
		Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Hà Giang	4		
	<b>Lạng Sơn</b>	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Lạng Sơn	13	24	0,45%
		Bệnh viện Lao Lạng Sơn	3		
		Trung tâm y tế Bắc Sơn	4		
		Trung tâm y tế huyện Cao Lộc	1		
		Trung tâm y tế huyện Chi Lăng	3		
	<b>Phú Thọ</b>	Bệnh viện Đa khoa Đoan Hùng	3	79	1,48%
		Bệnh viện Đa khoa huyện Lâm Thao	13		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Tam Nông	7		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Sơn	1		
Bệnh viện Đa khoa Tân Sơn		1			
Bệnh viện Đa khoa Thanh Sơn		11			
Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ		4			
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		21			
Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Phú Thọ		12			
Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ		6			
<b>Quảng Ninh</b>	Bệnh viện Bãi Cháy	9	355	6,63%	
	Bệnh viện Bảo Vệ Sức Khỏe Tâm thần Quảng Ninh	5			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Triều	11			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hà	3			
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cẩm Phả	7			
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Móng Cái	4			
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiên Yên	17			
	Bệnh viện Đa khoa thị xã Cẩm Phả	8			
	Bệnh viện Đa khoa thị xã Quảng Yên	2			
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	101			
	Bệnh viện Lao và Phổi Quảng Ninh	66			
	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	117			
	Trung tâm y tế huyện Ba Chẽ	4			
	Trung tâm y tế huyện Đầm Hà	1			
<b>Thái Nguyên</b>	Bệnh viện A Thái Nguyên	15	125	2,34%	
	Bệnh viện C Thái Nguyên	14			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa	2			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Hỷ	3			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Phổ Yên	5			
	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình	5			

<b>Đồng Bàng Sông Hồng</b> SLBáo cáo: 1242 Số tỉnh: 10 Số BV: 122		Bệnh viện Đa khoa Phú Lương	6			
		Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	24			
		Bệnh viện Tâm thần Thái Nguyên	1			
		Phòng khám ngoại trú Đại Từ	5			
		Phòng khám ngoại trú Phú Lương	3			
		Trạm Lao - Bệnh viện Lao và Phổi Thái Nguyên	32			
		Trung tâm y tế Sông Công	3			
		Trung tâm y tế TP. Thái Nguyên	7			
	<b>Tuyên Quang</b>		Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	40	55	1,03%
			Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Tuyên Quang	15		
	<b>Bắc Ninh</b>		Bệnh viện Đa khoa Lương Tài Bắc Ninh	1	42	0,78%
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh	38		
			Bệnh viện Lao - Bệnh Phổi Bắc Ninh	2		
			Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bắc Ninh	1		
	<b>Hà Nam</b>		Bệnh viện Đa khoa Duy Tiên	5	36	0,67%
			Bệnh viện Đa khoa huyện Lý Nhân	15		
			Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Liêm	5		
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam	4		
			Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Nam	2		
			Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Nam	5		
	<b>Hà Nội</b>		Bệnh viện 198 Bộ Nội vụ	3	825	15,41 %
			Bệnh viện Bắc Thăng Long	5		
			Bệnh viện Bạch Mai	160		
			Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương	20		
			Bệnh viện Châm Cứu Trung Ương	1		
			Bệnh viện Đa khoa Đống Đa	8		
			Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	3		
			Bệnh viện Đa khoa Hà Đông	2		
			Bệnh viện Đa khoa Hòe Nhai	6		
Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì			4			
Bệnh viện Đa khoa huyện Đan Phượng			8			
Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh			12			
Bệnh viện Đa khoa huyện Mỹ Đức			3			
Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Xuyên			2			
Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Tín			4			
Bệnh viện Đa khoa Sóc Sơn			9			
Bệnh viện Đa khoa Thanh Trì			5			
Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn			16			
Bệnh viện Da Liễu Trung ương			1			
Bệnh viện E			10			
Bệnh viện Giao Thông Vận Tải Trung Ương			2			
Bệnh viện Hữu Nghị			15			
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức			17			
Bệnh viện K	1					
Bệnh viện Mắt Trung ương	4					
Bệnh viện Nhi Trung ương	3					

	Bệnh viện Nội Tiết Trung ương	4		
	Bệnh viện Nông Nghiệp	9		
	Bệnh viện Phổi Hà Nội	22		
	Bệnh viện Phổi Trung ương	68		
	Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	20		
	Bệnh viện Phụ Sản Trung ương	103		
	Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	8		
	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	37		
	Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1	7		
	Bệnh viện Thanh Nhân	41		
	Bệnh viện Tim Hà Nội	2		
	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6		
	Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội	9		
	Bệnh viện Vinmec	1		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) bệnh viện 09	14		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) bệnh viện Đống Đa	8		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) huyện Ba Vì	9		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) huyện Đông Anh	20		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) huyện Gia Lâm	7		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) huyện Sơn Tây	6		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) huyện Từ Liêm	6		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) huyện Ứng Hòa	8		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Ba Đình	1		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Đống Đa	22		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Hoàng Mai	28		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Tây Hồ	1		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Thanh Xuân	8		
	Phòng khám ngoại trú Bệnh viện Phổi Hà Nội	13		
	Phòng khám ngoại trú HIV/AIDS Bệnh viện Đa khoa Hà Đông	6		
	Trung tâm y tế huyện Đông Anh	4		
	Viện Bông Quốc gia Lê Hữu Trác	1		
	Viện Huyết Học - Truyền Máu Trung ương	2		
	<b>Hải Dương</b>		82	1,53%
	Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Giàng	1		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Hà	7		
	Bệnh viện Đa khoa Kinh Môn	5		
	Bệnh viện Đa khoa Thanh Miện	4		
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	31		
	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Hải Dương	6		
	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hải Dương	23		
	Bệnh viện Nhi Hải Dương	1		
	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS tỉnh Hải Dương	4		
	<b>Hải Phòng</b>		123	2,30%
	Bệnh viện Đa khoa quận Hồng Bàng	1		
	Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền	6		
	Bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên	7		

		Bệnh viện Đa khoa Tiên Lãng	4			
		Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	6			
		Bệnh viện Kiến An	6			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Hải Phòng	23			
		Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng	9			
		Bệnh viện Phụ sản Tâm Phúc	1			
		Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng	13			
		Phòng khám ngoại trú (OPC) bệnh viện Việt Tiệp	17			
		Phòng khám ngoại trú (OPC) Lê Chân	9			
		Phòng khám ngoại trú (OPC) trung tâm y tế Đồ Sơn	2			
		Phòng khám ngoại trú (OPC) trung tâm y tế Hồng Bàng	7			
		Phòng khám ngoại trú (OPC) trung tâm y tế Ngô Quyền	5			
		Trung tâm Gia Minh (Trung tâm GDLĐXH Hải Phòng)	2			
		Trung tâm y tế dự phòng Hải Phòng	2			
		Trung tâm y tế quận Kiến An	3			
	<b>Hung Yên</b>	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà	2	13	0,24%	
		Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hưng Yên	1			
		Trung tâm y tế huyện Khoái Châu	7			
		Trung tâm y tế huyện Mỹ Hào	3			
	<b>Nam Định</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hậu	11	52	0,97%	
		Bệnh viện Đa khoa huyện Vụ Bản	3			
		Bệnh viện Đa khoa Nghĩa Bình	2			
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định	5			
		Bệnh viện Đa khoa Xuân Trường	1			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Nam Định	13			
		Bệnh viện Mắt tỉnh Nam Định	2			
		Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	3			
	Bệnh viện Phụ Sản tỉnh Nam Định	12				
	<b>Ninh Bình</b>	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	11	13	0,24%	
		Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình	2			
	<b>Thái Bình</b>	Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng	3	24	0,45%	
		Bệnh viện Đa khoa Thái Ninh	1			
		Bệnh viện Đa khoa TP. Thái Bình	1			
		Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Thái Bình	18			
		Phòng khám ngoại trú (OPC) huyện Đông Hưng	1			
	<b>Vĩnh Phúc</b>	Bệnh viện 74 Trưng vương	7	32	0,60%	
		Bệnh viện Đa khoa huyện Sông Lô	3			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Tường	1			
		Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Lạc	2			
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	13			
		Bệnh viện Tâm Thần Vĩnh Phúc	5			
		Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Vĩnh Phúc	1			
<b>Miền Trung</b>	<b>Bắc Trung</b>	<b>Hà Tĩnh</b>	Bệnh viện Đa khoa Đức Thọ	5	80	1,49%
			Bệnh viện Đa khoa Hà Tĩnh	24		



SLBáo cáo: 1100 Số tỉnh: 19 Số BV: 160	<b>Bộ</b> SLBáo cáo: 484 Số tỉnh: 6 Số BV: 66	Bệnh viện Đa khoa huyện Can Lộc	5					
		Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Khê	1					
		Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn	4					
		Bệnh viện Đa khoa huyện Kỳ Anh	5					
		Bệnh viện Đa khoa huyện Lộc Hà	2					
		Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Hà	7					
		Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang	4					
		Bệnh viện Đa khoa Nghi Xuân	11					
		Bệnh viện Đa khoa thị xã Hồng Lĩnh	2					
		Bệnh viện Đa khoa TP. Hà Tĩnh	7					
		Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	1					
		Bệnh viện Lao & Bệnh Phổi Hà Tĩnh	2					
		<b>Nghệ An</b>	Bệnh viện Bru Điện - Nghệ An			1	124	2,32%
			Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông			2		
Bệnh viện Đa khoa Đô Lương	3							
Bệnh viện Đa khoa huyện Quế Phong	3							
Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Lưu	4							
Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Kỳ	1							
Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thành	2							
Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc	3							
Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Hợp	1							
Bệnh viện Đa khoa TP. Vinh	2							
Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	14							
Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Nghệ An	66							
Bệnh viện Nội Tiết Nghệ An	3							
Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An	10							
Trung tâm y tế Dự Phòng tỉnh Nghệ An	8							
Trung tâm y tế huyện Quế Phong	1							
<b>Quảng Bình</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thủy	1	12	0,22%				
	Bệnh viện Đa khoa TP. Đồng Hới	2						
	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới	9						
<b>Quảng Trị</b>	Bệnh viện Đa khoa Đông Hà	3	16	0,30%				
	Bệnh viện Đa khoa Hướng Hóa	1						
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	4						
	Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	8						
<b>Thanh Hóa</b>	Bệnh viện 71 Trung ương	20	191	3,57%				
	Bệnh viện Đa khoa Hậu Lộc	2						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy	1						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Sơn	1						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	26						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh	3						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân	2						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Quan Hóa	2						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Xương	2						
	Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa	9						

<i>Nam Trung Bộ</i> SLBáo cáo: 615 Số tỉnh: 13 Số BV: 94		Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân	2		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn	6		
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	7		
		Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân	5		
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	60		
		Bệnh viện Lao và bệnh phổi Thanh Hóa	28		
		Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	1		
		Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	13		
		Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	1		
	<b>Thừa Thiên Huế</b>	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thừa Thiên Huế	11	61	1,14%
		Bệnh viện Lao - Bệnh phổi Thừa Thiên Huế	1		
		Bệnh viện Tâm thần Huế	1		
		Bệnh viện Trung ương Huế	13		
		Trung tâm y tế Nam Đông	4		
		Trung tâm y tế Phú Lộc	2		
		Trung tâm y tế Phú Vang	3		
		Trung tâm y tế Quảng Điền	2		
		Trung tâm y tế thị xã Hương trà	13		
		Trung tâm y tế TP. Huế	11		
	<b>Bình Định</b>	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bồng Sơn	1	52	0,97%
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định		1			
Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Bình Định		32			
Bệnh viện Tâm thần Bình Định		1			
Trung tâm y tế Hoài Ân		1			
Trung tâm y tế Hoài Nhơn		7			
Trung tâm y tế huyện Phù Cát		3			
Trung tâm y tế huyện Phù Mỹ		1			
Trung tâm y tế TP. Quy Nhơn		5			
<b>Bình Thuận</b>	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Bình Thuận	2	39	0,73%	
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Nam Bình Thuận	1			
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	9			
	Bệnh viện Hàm Tân	2			
	Bệnh viện huyện Hàm Thuận Bắc	6			
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Bình Thuận	2			
	Bệnh viện thị xã Lagi	1			
	Bệnh viện TP. Phan Thiết	2			
	Bệnh viện Tuy Phong	2			
	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Bình Thuận	12			
<b>Đà Nẵng</b>	Bệnh viện 199 (Tổng Cục Hậu Cần Bộ Công An)	1	190	3,55%	
	Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng	46			
	Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	14			
	Bệnh viện Da Liễu TP. Đà Nẵng	12			
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Đà Nẵng	4			
	Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Đà Nẵng	54			
	Bệnh viện Tâm thần TP. Đà Nẵng	1			
	Bệnh viện Ung Thư Đà Nẵng	8			

	Trung tâm y tế Hải Châu	18		
	Trung tâm y tế Liên Chiểu	4		
	Trung tâm y tế quận Cẩm Lệ	16		
	Trung tâm y tế quận Ngũ Hành Sơn	7		
	Trung tâm y tế quận Sơn Trà	1		
	Trung tâm y tế quận Thanh Khê	4		
<b>Đắc Nông</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Cư Jut	5	6	0,11%
	Bệnh viện Đa khoa huyện Đăk R'Lấp	1		
<b>Đăk Lăk</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Cư M'Gar	2	17	0,32%
	Bệnh viện Đa khoa Krông Năng	1		
	Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ	6		
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đăk Lăk	2		
	Bệnh viện huyện Buôn Đôn tỉnh Đăk Lăk	2		
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Đăk Lăk	4		
<b>Gia Lai</b>	Bệnh viện 331	1	47	0,88%
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	5		
	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Gia Lai	9		
	Trạm y tế xã Iake - huyện Phú Thiện	5		
	Trung tâm y tế huyện Chư Prông	2		
	Trung tâm y tế huyện Ia Grai	9		
	Trung tâm y tế huyện Phú Thiện	16		
<b>Khánh Hòa</b>	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần Khánh Hòa	12	79	1,48%
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cam Ranh	12		
	Bệnh viện Đa khoa Ninh Hòa	8		
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	20		
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Khánh Hòa	5		
	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS Khánh Hòa	8		
	Trung tâm y tế Cam Lâm	3		
	Trung tâm y tế Diên Khánh	1		
	Trung tâm y tế huyện Diên Khánh	2		
	Trung tâm y tế Khánh Vĩnh	7		
	Trung tâm y tế Ninh Hòa	1		
	<b>Kon Tum</b>	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum		
Trung tâm y tế huyện Đăk Tô		1		
<b>Lâm Đồng</b>	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	5	37	0,69%
	Bệnh viện II Lâm Đồng	10		
	Trung tâm y tế Bảo Lâm	1		
	Trung tâm y tế đạ Tẻh	5		
	Trung tâm y tế Đơn Dương	4		
	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	9		
	Trung tâm y tế Lâm Hà	3		
<b>Ninh Thuận</b>	Bệnh viện GTVT Tháp Chàm - Ninh Thuận	6	37	0,69%
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Ninh Thuận	14		
	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	8		
	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Ninh Thuận	3		
	Trung tâm y tế Bắc Ái	2		

			Trung tâm y tế huyện Thuận Nam	4					
		<b>Phú Yên</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Tuy An	1	2	0,04%			
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên	1					
		<b>Quảng Nam</b>	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Miền Núi Phía Bắc tỉnh Quảng Nam	9	77	1,44%			
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	3					
			Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam	16					
			Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Quảng Nam	15					
			Bệnh viện Nhi tỉnh Quảng Nam	10					
			Trung tâm y tế Duy Xuyên	3					
			Trung tâm y tế Hiệp Đức	1					
			Trung tâm y tế huyện Phú Ninh	2					
			Trung tâm y tế Nam Trà My	9					
			Trung tâm y tế Nông Sơn	4					
			Trung tâm y tế Phước Sơn	5					
			<b>Quảng Ngãi</b>	Bệnh viện Đa khoa Đặng Thùy Trâm			5	24	0,45%
				Bệnh viện Đa khoa huyện Tư Nghĩa			1		
		Bệnh viện Đa khoa Mộ Đức		5					
		Bệnh viện Đa khoa Sơn Tịnh		1					
		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi		9					
		Trung tâm y tế huyện Ba Tư		1					
		Trung tâm y tế huyện Sơn Hà		2					
<b>Miền Nam</b> SLBáo cáo: 2032 Số tỉnh: 19 Số BV: 203	<b>Đông Nam Bộ</b> SLBáo cáo: 1339 Số tỉnh: 6 Số BV: 99	<b>Bà Rịa - Vũng Tàu</b>	Bệnh viện Bà Rịa	22	78	1,46%			
			Bệnh viện Lê Lợi	7					
			Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	19					
			Trung tâm Mắt tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2					
			Trung tâm y tế Châu Đức	1					
			Trung tâm y tế huyện Tân Thành	20					
			Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	1					
			Trung tâm y tế Long Điền	6					
		<b>Bình Dương</b>	Bệnh viện Công ty Cao Su Dầu Tiếng	3	47	0,88%			
			Bệnh Viện Đa khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	5					
			Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương	22					
			Bệnh viện Mỹ Phước	2					
			Trung tâm Y tế Cao su Dầu Tiếng	3					
			Trung tâm Y tế huyện Dầu Tiếng	11					
			Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên	1					
		<b>Bình Phước</b>	Bệnh viện Đa khoa Bình Phước	29	64	1,20%			
			Bệnh viện Đa khoa Phước Long	3					
			Trạm y tế xã Bù Đốp	5					
			Trạm y tế xã Bù Gia Mập	7					
			Trạm y tế xã Đa Kia	2					
			Trạm y tế xã Đắc Nhau	13					
			Trung tâm y tế Cao Su Phú Riềng	1					
			Trung tâm y tế huyện Hớn Quản	4					
<b>Đồng</b>	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	57	137	2,56%					

<b>Nai</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Mỹ	1		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Trảng Bom	11		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Khánh	10		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Long Thành	8		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thống Nhất Đồng Nai	19		
	Bệnh viện Đa khoa Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai	1		
	Bệnh viện Đa khoa TP. Biên Hòa	3		
	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Cửu	10		
	Bệnh viện Da Liễu	3		
	Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai	2		
	Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai	6		
	Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai	3		
	Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường Đồng Nai	3		
<b>Tây Ninh</b>	Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	10	50	0,93%
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Tây Ninh	30		
	Trung tâm y tế dự phòng Tây Ninh	4		
	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	5		
	Trung tâm y tế huyện Gò Dầu	3		
<b>TP. Hồ Chí Minh</b>	Bệnh viện An Bình	2	963	17,99%
	Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới	43		
	Bệnh viện Bình Dân	2		
	Bệnh viện Bình Thạnh	2		
	Bệnh viện Cấp cứu Trung Vương	7		
	Bệnh viện Chợ Rẫy	46		
	Bệnh viện Chuyên khoa Ngoại Thần Kinh Quốc Tế	6		
	Bệnh viện Đa khoa Bru Điện	1		
	Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	4		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi	15		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn	1		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Thủ Đức	5		
	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	2		
	Bệnh viện Đa khoa Vạn Hạnh	10		
	Bệnh viện Da Liễu TP. HCM	79		
	Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	9		
	Bệnh viện Gaya Việt Hàn	1		
	Bệnh viện Hùng Vương	81		
	Bệnh viện huyện Bình Chánh	7		
	Bệnh viện Ngoại khoa và Chấn thương chỉnh hình STO Phương Đông	6		
	Bệnh viện Nhân Ái	6		
	Bệnh viện Nhân Dân 115	9		
	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	106		
Bệnh viện Nhi Đồng I	29			
Bệnh viện Nhi Đồng II	37			
Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	244			

		Bệnh viện Phụ Sản Mê Kông	17		
		Bệnh viện Phụ Sản Quốc Tế Sài Gòn	15		
		Bệnh viện quận 1	1		
		Bệnh Viện quận 11	2		
		Bệnh viện quận 12	2		
		Bệnh viện quận 2	1		
		Bệnh viện quận 4	3		
		Bệnh viện quận 5	1		
		Bệnh viện quận 6	4		
		Bệnh viện quận 8	7		
		Bệnh viện quận Phú Nhuận	1		
		Bệnh viện quận Tân Phú	9		
		Bệnh viện quận Thủ Đức	1		
		Bệnh viện Quốc tế Thành Đô	2		
		Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh	1		
		Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh	2		
		Bệnh viện Tân Bình	7		
		Bệnh viện Thống Nhất	8		
		Bệnh viện Tim Tâm Đức	6		
		Bệnh viện Từ Dũ	81		
		Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh	2		
		Phòng khám ngoại trú (OPC) quận 3	1		
		Phòng khám ngoại trú (OPC) quận 5	1		
		Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Bình Chánh	8		
		Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Bình Tân	1		
		Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Phú Nhuận	1		
		Phòng khám ngoại trú (OPC) quận Tân Phú	1		
		Phòng khám ngoại trú quận 6	2		
		Phòng khám ngoại trú quận Thủ Đức	6		
		Trung tâm y tế dự phòng Thủ Đức	6		
		Viện Tim TP. Hồ Chí Minh	3		
<b>Đồng Bằng Sông Cửu Long</b> SLBáo cáo: 693 Số tỉnh: 13 Số BV: 104	<b>An Giang</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện An Phú	31	178	3,33%
		Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Phú	2		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Chợ Mới	4		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Tân	23		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Thoại Sơn	20		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Tịnh Biên	7		
		Bệnh viện Đa khoa huyện Tri Tôn	5		
		Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh An Giang	3		
		Bệnh viện Đa khoa Nhật Tân	6		
		Bệnh viện Đa khoa thị xã Châu Đốc	3		
		Bệnh viện Đa khoa thị xã Tân Châu	12		
		Bệnh viện Đa khoa TP. Long Xuyên	2		
		Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	32		
		Bệnh viện Hạnh Phúc	21		
		Bệnh viện Mắt - TMH - RHM An Giang	4		

	Bệnh viện Tim Mạch An Giang	3		
<b>Bạc Liêu</b>	Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	12	33	0,62%
	Bệnh viện Đa khoa Đông Hải	3		
	Bệnh viện Đa khoa Giá Rai	3		
	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	4		
	Bệnh viện Đa khoa Phước Long - Bạc Liêu	4		
	Bệnh viện Đa khoa Thanh Vũ Medic	1		
	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Lợi	6		
<b>Bến Tre</b>	Bệnh viện Đa khoa Ba Tri	9	74	1,38%
	Bệnh viện Đa khoa Bình Đại	2		
	Bệnh viện Đa khoa Châu Thành - Bến Tre	6		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Giồng Trôm	4		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Phú	3		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cù Lao Minh	13		
	Bệnh viện Đa khoa Minh Đức	4		
	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	27		
	Phòng khám ngoại trú (OPC) Bến Tre	6		
<b>Cà Mau</b>	Bệnh viện Cà Mau	1	11	0,21%
	Bệnh viện Đa khoa huyện Thới Bình	1		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cái Nước	2		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Đầm Dơi	2		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Trần Văn Thời	2		
	Bệnh viện Sản Nhi Cà Mau	3		
<b>Cần Thơ</b>	Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	10	196	3,66%
	Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh	6		
	Bệnh viện Đa khoa quận Bình Thủy	4		
	Bệnh viện Đa khoa quận Cái Răng	5		
	Bệnh viện Đa khoa quận Ô Môn	10		
	Bệnh viện Đa khoa Thới Lai	4		
	Bệnh viện Đa khoa TP. Cần Thơ	37		
	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	41		
	Bệnh viện Da Liễu TP. Cần Thơ	11		
	Bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ	1		
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi TP. Cần Thơ	5		
	Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ	8		
	Bệnh viện Phụ Sản Quốc Tế Phương Châu	5		
	Bệnh viện Tai Mũi Họng Cần Thơ	6		
	Bệnh viện Tâm thần TP. Cần Thơ	16		
	Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ	8		
	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm y tế dự phòng quận Ninh Kiều	7		
	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm y tế quận Thốt Nốt	3		
	Trung tâm Chẩn đoán y khoa TP. Cần Thơ	2		
Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ	7			
<b>Đồng</b>	Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp	22	61	1,14%

<b>Tháp</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Cao Lãnh	13		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Hồng Ngự	1		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Hồng	2		
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười	13		
	Bệnh viện Đa khoa Sađéc	3		
	Bệnh viện Phổi Đồng Tháp	4		
	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Đồng Tháp	3		
<b>Hậu Giang</b>	Bệnh viện Đa khoa Hậu Giang	1	7	0,13%
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngã Bảy	2		
	Bệnh viện Đa khoa Long Mỹ	4		
<b>Kiên Giang</b>	Bệnh viện Đa khoa An Minh	3	7	0,13%
	Bệnh viện Đa khoa huyện Giồng Giềng	2		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Gò Quao	1		
<b>Long An</b>	Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành - Long An	2	18	0,34%
	Bệnh viện Đa khoa Long An	2		
	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Long An	3		
	Trung tâm y tế huyện Cần Đước	1		
	Trung tâm y tế huyện Châu Thành - Long An	6		
	Trung tâm y tế huyện Thạnh Hóa	4		
<b>Sóc Trăng</b>	Bệnh viện 30/4 - Sóc Trăng	14	64	1,20%
	Bệnh viện Đa khoa huyện Cù Lao Dung	4		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Kế Sách	3		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Ngã Năm	1		
	Bệnh viện Đa khoa huyện Thạnh Trị	3		
	Bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng	11		
	Bệnh viện Quân Dân Y tỉnh Sóc Trăng	3		
	Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội tỉnh Sóc Trăng	1		
	Trung tâm Phòng Chống HIV/AIDS tỉnh Sóc Trăng	4		
	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Sóc Trăng	1		
	Trung tâm y tế xã Vĩnh Châu	13		
	Trung tâm y tế xã Vĩnh Hiệp	4		
<b>Tiền Giang</b>	Bệnh viện Đa khoa Châu Thành	2	17	0,32%
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy	6		
	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang	5		
	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Tiền Giang	1		
	Bệnh viện Mắt	2		
	Trung tâm y tế huyện Chợ Gạo	1		
<b>Trà Vinh</b>	Bệnh viện Đa khoa Càng Long	1	14	0,26%
	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cầu Ngang	6		
	Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh	7		
<b>Vĩnh Long</b>	Bệnh viện Đa khoa Bình Minh	2	13	0,24%
	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long	5		
	Bệnh viện Đa khoa Vũng Liêm	4		
	Phòng khám ngoại trú - BV Đa khoa Vĩnh Long	2		
<b>Tổng</b>		<b>5353</b>	<b>5353</b>	<b>100%</b>



**Nhận xét:**

- Về tình hình gửi báo cáo của các cơ sở y tế ở các tỉnh/ thành phố

+ Tất cả các tỉnh/ thành phố trong cả nước đã tham gia gửi báo cáo ADR trong 3 quý đầu năm 2014.

+ Các tỉnh thành gửi nhiều báo cáo nhất được thống kê trong bảng 4. Trong đó, hai thành phố lớn Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có tỷ lệ báo cáo cao nhất. Tuy nhiên, tỉnh Quảng Ninh là địa phương có công tác báo cáo ADR hiệu quả nhất với số báo cáo/1 triệu dân cao nhất trong cả nước (301,6 báo cáo/ 1 triệu dân). Tỷ lệ này đã cao hơn tỷ lệ tiêu chuẩn của một hệ thống Cảnh giác Dược có hiệu quả của Tổ chức Y tế thế giới (200 báo cáo/1 triệu dân) và cao hơn nhiều so với tỷ lệ báo cáo chung của cả nước trong 3 quý đầu năm 2014 là 65,4 báo cáo/ 1 triệu dân.

**Bảng 4: Danh sách 10 tỉnh gửi báo cáo ADR nhiều nhất**

STT	Tỉnh/ Thành phố	Số báo cáo	Số báo cáo/ 1 triệu dân	Tỷ lệ (%)
1	TP. Hồ Chí Minh	963	125,4	18,0%
2	Hà Nội	825	120,5	15,4%
3	Quảng Ninh	355	301,6	6,6%
4	Cần Thơ	196	161,4	3,7%
5	Thanh Hóa	191	55,7	3,6%
6	Đà Nẵng	190	195,1	3,5%
7	An Giang	178	82,6	3,3%
8	Đồng Nai	137	50,4	2,6%
9	Thái Nguyên	125	108,7	2,3%
10	Nghệ An	124	42,0	2,3%

+ Tổng số cơ sở khám, chữa bệnh đã gửi báo cáo ADR là 580, trong đó các đơn vị gửi nhiều báo cáo nhất được liệt kê trong bảng 5.

**Bảng 5: Danh sách 10 bệnh viện gửi báo cáo nhiều nhất**

STT	Đơn vị gửi báo cáo	Tỉnh	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ (%)
1	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh	244	4,6%
2	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	160	3,0%
3	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	Quảng Ninh	117	2,2%
4	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	106	2,0%
5	Bệnh viện Phụ Sản Trung ương	Hà Nội	103	1,9%
6	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	101	1,9%
7	Bệnh viện Hùng Vương	TP. Hồ Chí Minh	81	1,5%
8	Bệnh viện Từ Dũ	TP. Hồ Chí Minh	81	1,5%
9	Bệnh viện Da Liễu TP. HCM	TP. Hồ Chí Minh	79	1,5%
10	Bệnh viện Phổi Trung ương	Hà Nội	68	1,3%

Các bệnh viện gửi nhiều báo cáo chủ yếu tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh và Hà Nội. Trong khi đó, vẫn còn nhiều cơ sở khám, chữa bệnh chưa tham gia thực hiện gửi báo cáo ADR.

- Về chất lượng báo cáo

Đa số báo cáo gửi về ghi đầy đủ các thông tin yêu cầu gồm 4 trường thông tin chính là: thông tin người bệnh, thông tin về phản ứng có hại, thông tin về thuốc nghi ngờ và thông tin về người báo cáo. Tuy nhiên, vẫn còn một số báo cáo thông tin chưa rõ ràng, còn viết tắt và viết khó đọc gây khó khăn trong quá trình xử lý và thẩm định. Một số thông tin thiếu, một số thông tin có nhưng sơ sài gây khó khăn cho thẩm định báo cáo: diễn biến ADR (sau khi ngừng thuốc, tái sử dụng thuốc (nếu có)), lý do dùng thuốc, liều dùng,...

**1.1.4. Thông tin về người báo cáo**

**Bảng 6: Thông tin về đối tượng gửi báo cáo**

<b>Đối tượng gửi báo cáo</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Bác sĩ - y sĩ	1978	37,0%
Dược sĩ	1829	34,2%
Điều dưỡng - Nữ hộ sinh	1107	20,7%
Khác	97	1,8%
Không có thông tin	342	6,4%
<b>Tổng</b>	<b>5353</b>	<b>100,0%</b>

Đối tượng gửi báo cáo chủ yếu là bác sĩ – y sĩ, chiếm 37,0%, tiếp theo là dược sĩ (34,2%), điều dưỡng và nữ hộ sinh (20,7%).

**1.1.5. Thông tin về bệnh nhân trong các báo cáo ADR**

Trong số 5353 báo cáo có 49 báo cáo liên quan đến chất lượng thuốc, trong đó thuốc chưa được sử dụng trên bệnh nhân hoặc thông tin bệnh nhân không thu thập được. Vì vậy, thông tin bệnh nhân được thống kê trên 5304 báo cáo.

**1.1.5.1. Phân bố tuổi**

Thông tin về tuổi và phân bố tuổi bệnh nhân được thể hiện trong bảng 7.

**Bảng 7: Phân bố tuổi của bệnh nhân trong báo cáo**

<b>Độ tuổi</b>	<b>Tần số</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
≤ 1 tuổi	297	5,6%
>1 - 12 tuổi	444	8,4%
>12 - 18 tuổi	201	3,8%
>18 - 60 tuổi	3337	62,9%
>60 tuổi	942	17,8%
Không có thông tin	83	1,6%
<b>Tổng</b>	<b>5304</b>	<b>100,0%</b>

ADR thường gặp nhất ở nhóm đối tượng người trưởng thành từ 18-60 tuổi (chiếm 62,9%); tiếp theo là đối tượng người cao tuổi (> 60 tuổi) (17,8%); ADR ở trẻ em

từ 1 đến 12 tuổi và trẻ em dưới 1 tuổi cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể (tương ứng là 8,4% và 5,6%).

#### 1.1.5.2. Phân bố về giới

Phân bố giới của bệnh nhân trong báo cáo ADR được trình bày trong bảng 8.

**Bảng 8: Phân bố giới của bệnh nhân trong báo cáo**

	Tần số	Tỷ lệ %
Nữ	2778	52,4%
Nam	2513	47,4%
Không có thông tin	13	0,2%
Tỷ lệ nữ : nam	1,11	

## 1.2. THÔNG TIN VỀ THUỐC NGHI NGỜ GÂY ADR

Trong số các báo cáo ADR đã tiếp nhận, có 7 báo cáo loại khác (không rõ chế phẩm sử dụng). Do đó, tổng số thuốc nghi ngờ được báo cáo trong tổng số 5346 báo cáo ADR là 6500 thuốc (chiếm tỷ lệ 1,2 thuốc/1 báo cáo).

### 1.2.1.1. Tổng hợp phân loại báo cáo ADR theo đường dùng thuốc

**Bảng 9: Tổng hợp báo cáo ADR theo đường dùng thuốc**

STT	Đường dùng	Tổng	Tỷ lệ (%)
1	Uống	2284	42,7%
2	Tiêm, truyền tĩnh mạch	1900	35,5%
3	Tiêm bắp	524	9,8%
4	Test	331	6,2%
5	Thuốc đặt	155	2,9%
6	Khác	124	2,3%
7	Thuốc ngậm	23	0,4%
8	Tiêm dưới da	22	0,4%
9	Không rõ	1137	21,3%

*Nhận xét:*

Phản ứng có hại xảy ra với hầu hết các đường dùng thuốc. Trong đó, phản ứng có hại xảy ra khi dùng thuốc bằng đường uống và đường tiêm, truyền tĩnh mạch chiếm tỷ lệ nhiều nhất tương ứng là 42,7% và 35,5%. Phản ứng có hại xảy ra khi dùng thuốc bằng đường tiêm bắp chiếm tỷ lệ 9,8%. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ các thuốc trong báo cáo không điền thông tin về đường dùng của thuốc (21,3%).

### 1.2.1.2. Tổng hợp phân loại các nhóm thuốc nghi ngờ gây ADR theo đặc điểm giải phẫu

**Bảng 10: Các nhóm thuốc nghi ngờ gây ADR**

Mã phân loại	Nhóm thuốc	Tổng	Tỷ lệ (%)
J	Kháng khuẩn tác dụng toàn thân	4452	83,3%
N	Hệ thần kinh	453	8,5%
M	Hệ cơ - xương	408	7,6%
A	Đường tiêu hóa và chuyển hóa	240	4,5%
B	Máu và cơ quan tạo máu	210	3,9%

P	Thuốc kháng kí sinh trùng, thuốc xua và diệt côn trùng	135	2,5%
L	Thuốc chống ung thư và điều hoà miễn dịch	104	1,9%
V	Các thuốc khác	99	1,9%
C	Hệ tim mạch	95	1,8%
G	Hệ sinh dục tiết niệu và các hormon sinh dục	78	1,5%
R	Hệ hô hấp	72	1,3%
H	Các chế phẩm hormone dùng đường hệ thống, trừ hormone giới tính và insulin	66	1,2%
D	Da liễu	13	0,2%
S	Giác quan	10	0,2%
U	Không rõ	65	1,2%

### 1.2.1.3. Họ dược lý được báo cáo nhiều nhất

**Bảng 11: Các họ dược lý được báo cáo nhiều nhất**

Mã phân loại	Nhóm thuốc	Tổng	Tỷ lệ (%)
J01D	Kháng sinh nhóm beta-lactam khác	1723	32,2%
J04A	Thuốc điều trị lao	746	14,0%
J01G	Kháng sinh nhóm aminoglycosid	446	8,3%
J05A	Thuốc kháng virus	366	6,8%
J01C	Kháng sinh nhóm beta-lactam, họ penicillin	364	6,8%
M01A	Chống viêm, chống thấp khớp	344	6,4%
J01M	Kháng sinh nhóm quinolon	338	6,3%
N02B	Thuốc giảm đau và hạ sốt khác	160	3,0%
P01B	Thuốc điều trị sốt rét	132	2,5%
J01X	Kháng sinh nhóm khác	130	2,4%

*Nhận xét:* Các kháng sinh nhóm beta-lactam khác (cephalosporin thế hệ từ 1 đến 4, carbapenem...) là nhóm kháng sinh có tỷ lệ báo cáo biến cố bất lợi nhiều nhất (32,2%). Tiếp theo là nhóm thuốc điều trị lao với tỷ lệ là 14,0% và các kháng sinh nhóm aminoglycosid với 8,3%.

### 1.2.1.4. Thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất

Các thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất được trình bày trong bảng 12.

**Bảng 12: Danh sách 10 thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất**

STT	Hoạt chất	Số lượng	Tỷ lệ %
1	cefotaxim	624	11,7%
2	ceftazidim	514	9,6%
3	streptomycin	355	6,6%
4	diclofenac	247	4,6%
5	rifampicin/isoniazid/pyrazinamid	198	3,7%
6	ciprofloxacin	188	3,5%
7	pyrazinamid	138	2,6%
8	ethambutol	137	2,6%
9	amoxicilin/acid clavulanic	136	2,5%
10	cefuroxim	131	2,5%

*Nhận xét:* Các thuốc nghi ngờ gây phản ứng có hại xuất hiện nhiều nhất trong các báo cáo ADR thuộc 3 nhóm chính: nhóm thuốc kháng sinh nhiều nhất với 4 đại diện là cefotaxim, ceftazidim, ciprofloxacin, cefuroxim; nhóm thuốc điều trị lao (streptomycin, rifampicin/isoniazid/pyrazinamid, ethambutol, pyrazinamid) và nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm (diclofenac). Cefotaxim vẫn là thuốc nghi ngờ gây ra ADR được báo cáo nhiều nhất với tỷ lệ là 11,7%.

### 1.3. XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN LIÊN QUAN ĐẾN AN TOÀN THUỐC

Trong 3 quý đầu năm 2014, Trung tâm DI&ADR Quốc gia đã giải quyết 94 trường hợp khẩn, trong đó có 69 trường hợp báo cáo ADR khẩn (quý I: 19 trường hợp, quý II: 28 trường hợp, quý III: 22 trường hợp) và 25 trường hợp công văn phản hồi cho cơ quan quản lý của Bộ Y tế (quý I: 14 trường hợp, quý II: 5 trường hợp, quý III: 6 trường hợp).

Trong quý III, Trung tâm DI&ADR Quốc gia đã xử lý, thẩm định và phản hồi 22 trường hợp báo cáo ADR khẩn (tương ứng với 52 báo cáo ADR). (Bảng 13)

Các báo cáo ADR được phân loại là báo cáo khẩn bao gồm:

- + Báo cáo ADR có hậu quả tử vong nghi ngờ liên quan đến thuốc.
- + Chuỗi báo cáo về ADR không thể dự đoán được dựa vào tác dụng dược lý đã biết của thuốc, xảy ra liên tiếp trong khoảng thời gian ngắn. Trong đó:
  - Có ít nhất 3 báo cáo ADR nghiêm trọng của cùng một biệt dược thuộc các lô thuốc khác nhau;
  - Có ít nhất 2 báo cáo ADR nghiêm trọng của cùng một biệt dược thuộc cùng một lô thuốc;
  - Có ít nhất 3 báo cáo ADR của cùng một biệt dược thuộc cùng một lô thuốc, trong đó có 1 báo cáo nghiêm trọng.

**Bảng 13: Các trường hợp báo cáo khẩn trong quý III năm 2014**

TT	Thuốc nghi ngờ	Nhà sản xuất Số lô	Phản ứng có hại	Số trường hợp	Mối liên quan giữa thuốc và ADR	Kết quả sau xử trí
1	Augmentin (amoxicilin/ acid clavulanic)	SmithKline Beecham Pharmaceuticals (UK), số lô 652625	Gồng người, khó thở, mạch, huyết áp khó đo, rung thất, ngừng tim	1	Chắc chắn	Tử vong
2	Pedfotaz (cefotaxim)	Brawn Laboratories Ltd (India), số lô: BI0214037	Sốc phản vệ	1	Chắc chắn	Tử vong
3	Cefotaxime	JSC "Kievmedpreparat" (Ukraine), số lô: 52176	3 trường hợp phản vệ, 1 trường hợp sản ngứa, khó thở nhẹ	4	Có khả năng	Hồi phục không để lại di chứng
4	Denkazon (cefoperazon)	Ukraine, số lô: 040414	Sốc phản vệ	2	Có khả năng	Hồi phục không để lại di chứng
5	Marcain	AstraZeneca AB	Khó thở, lạnh, vã mồ	1	Có thể	Tử vong

	(bupivacain)	Số lô: F00501,	hồi, nổi vân tím, mạch chậm, huyết áp tụt		Chắc chắn	
6	Xenetic (iobitridol)	Số lô: 13WC0040B	Co thắt động mạch vành, choáng tim	2	Có khả năng	Tử vong
7	Cetrimaz (ceftriaxon)	Belipharm BVBA Belgium Pymepharco Số lô: 050312	Mệt, khó thở, da tái lạnh, mạch nhanh, nhỏ, tụt huyết áp	1	Có khả năng	Tử vong
8	Ceftriaxon 1g	JSC "Kievmedpreparat" (Ucraina) Lô: 76136	Mẩn đỏ toàn thân, sung mắt	3	Có khả năng	Hồi phục
9	Atropin sulfat Oxytocin	NSX: HDPharma – Việt Nam Số lô: 030813 NSX: Rotex – Đức, số lô: 30943	Sốc phản vệ	1	Có khả năng	Tử vong
10	Cinmox 400 mg (moxifloxacin)	NSX: Nexus Pharma - Pakistan, Số lô: M0336	Sốt, chân tay run	4	Có khả năng	Hồi phục
11	Oxylpan (oxytocin)	Công ty DVTYT Hải Dương số lô: 020314	Nôn ói, nhức đầu, khó thở, chóng mặt	6	Chắc chắn	Hồi phục
12	Xenetix (iobitridol)	Guerbet – Pháp, Số lô: 13WC037F	Rét run, sốt, tím tái, tức ngực, khó thở, phát ban, mê đay	4	Có thể	Hồi phục
13	Propara (Paracetamol 450 mg + Lidocain 30 mg)	Công ty CP Dược phẩm Vĩnh Phúc; số lô: 010114	Sốc phản vệ	1	Chắc chắn	Tử vong
14	Telebrix 35 (meglumin ioxitalamat, sodium ioxitalamat)	Guerbet – Pháp; Số lô: 12TT611A	Sốc phản vệ	2	Chắc chắn	Hồi phục
15	Quivaxem	Janssen-Cilag Vietnam	Tím tái, khó thở, sốt cao, nôn mửa, ngừng tim, ngừng thở...	5	1 TH tử vong: Không chắc chắn, 4 TH: có khả năng	1 TH tử vong, 4 TH đang hồi phục
16	Verorab Favirab	Sanofi Pasteur	Tử vong nghi do bệnh dại	1	Không chắc chắn	Tử vong
17	Mezicef (cefotaxim)	CTCP Merap Số lô: 0020114	Sốc phản vệ	1	Chắc chắn	Tử vong
18	Atropin	Cty CPDP Vĩnh Phúc Số lô: 160813	Hốt hoảng, khó thở, gồng cứng người	1	Có khả năng	Tử vong
19	Cefotaximark (cefotaxim)	Marksans Pharma Ltd., Ấn Độ Số lô: 5474002	2 TH phản vệ, 1 TH có biểu hiện mệt, vã mồ hôi, lạnh run, đau quặn bụng...	3	Chắc chắn	Hồi phục không để lại di chứng

20	Dexcain (bupivacain)	Houns - Hàn Quốc Số lô: 2001	Co giật	2	Chắc chắn	1 TH tử vong, 1TH chưa đề cập trong báo cáo
21	Ultravist (iopromid)	Bayer Số lô: 42916F	Mệt, lạnh run, sốt, khó thở...	5	Không chắc chắn	Chưa đề cập trong báo cáo
22	Taxibiotic (cefotaxim)	CTCPDP Tenamyd Số lô: 090614	Sốc phản vệ	1	Có khả năng	Tử vong

**Nhận xét:**

Có tất cả 13 báo cáo tử vong đã được ghi nhận, trong đó 3 báo cáo tử vong trên bệnh nhân sử dụng chế phẩm có chứa cefotaxim, 2 báo cáo tử vong trên bệnh nhân dùng bupivacain và 2 báo cáo tử vong liên quan đến atropin.

Song song với công tác phản hồi khẩn cho cá nhân, đơn vị gửi báo cáo ADR, Trung tâm DI&ADR Quốc gia cũng cập nhật các thông tin về an toàn thuốc gửi cơ quan quản lý của Bộ Y tế. Trong quý III/ 2014, tổng số công văn đã gửi là 6 công văn. (Bảng 14)

**Bảng 14: Các trường hợp công văn khẩn gửi cơ quan quản lý của Bộ Y tế**

STT	Nội dung công văn	Ngày thực hiện
1	Cập nhật cảnh báo của FDA về nguy cơ ngộ độc ethanol liên quan đến các chế phẩm thuốc chứa docetaxel	30/06/2014
2	Cập nhật thông tin an toàn trong tờ HDSD của các chế phẩm chứa testosterone	01/07/2014
3	Cung cấp thông tin về thuốc chứa nicardipin đường tĩnh mạch	24/07/2014
4	Cập nhật thông tin dược lý của các thuốc domperidon	25/08/2014
5	Cung cấp thông tin về thuốc chứa lidocain	25/08/2014
6	Cập nhật thông tin an toàn trong tờ HDSD của các chế phẩm chứa hydrochloroquin	27/08/2014

## **2. BÁO CÁO ADR TỪ CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM**

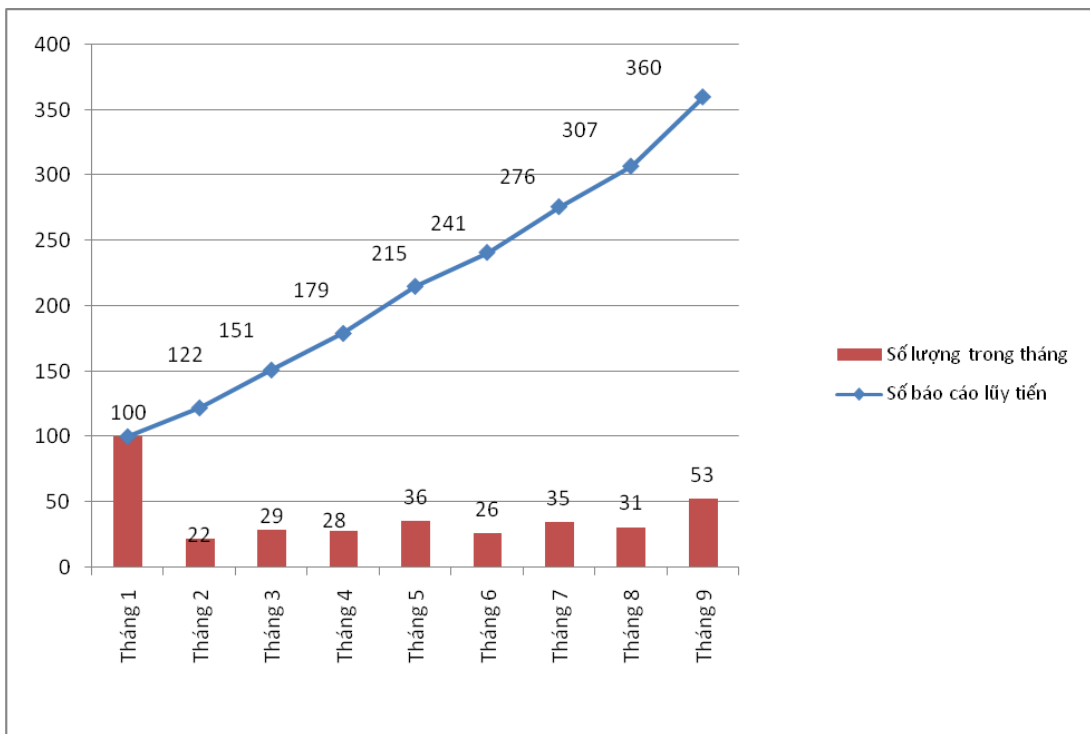
Theo quy định của công văn số 2224/QLD-TT do Cục Quản lý dược ban hành về việc báo cáo phản ứng có hại của thuốc, các đơn vị sản xuất và kinh doanh dược phẩm có trách nhiệm gửi báo cáo ADR nghiêm trọng trong vòng 10 ngày kể từ ngày xảy ra phản ứng và báo cáo tổng hợp ADR hàng năm về Trung tâm Quốc gia/khu vực về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc.

Trong 3 quý đầu năm 2014, tổng cộng có 21 đơn vị sản xuất và kinh doanh dược phẩm đã gửi báo cáo ADR nghiêm trọng xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, 31 đơn vị đã gửi báo cáo ADR tổng hợp và 4 đơn vị đã gửi thư cung cấp thông tin về an toàn thuốc về Trung tâm DI&ADR Quốc gia/khu vực.

### **2.1. Số lượng báo cáo**

Tổng số báo cáo thu nhận được là 360 báo cáo nghiêm trọng xảy ra tại Việt Nam. Trong đó, có 7 báo cáo trùng với báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh. Chi tiết

số lượng báo cáo đã nhận được lũy tiến từ tháng 1 đến tháng 9 được trình bày trong hình 2.



**Hình 2: Số lượng báo cáo ADR từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm tích lũy từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2014**

Như vậy số lượng báo cáo ADR nghiêm trọng được gửi đến Trung tâm DI&ADR Quốc gia tập chung chủ yếu trong khoảng thời gian từ 16/12/2013 đến 15/01/2014 là 100 báo cáo (27,8%). Từ tháng 2 đến tháng 9, không có sự chênh lệch nhiều về số lượng báo cáo.

Thông tin về số lượng báo cáo ADR nghiêm trọng và số ca tử vong được gửi từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm được trình bày trong bảng 15.

**Bảng 15: Số lượng báo cáo nghiêm trọng bao gồm các trường hợp tử vong được gửi từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm**

STT	Tên Công ty	Số báo cáo	Tử vong
1	VPĐD Hoffmann La Roche Ltd.	132	16
2	VPĐD Novartis Pharma Services AG	62	9
3	Công ty Sanofi - Aventis Việt Nam	34	0
4	VPĐD Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	32	1
5	VPĐD Janssen - Cilag Ltd.	19	3
6	VPĐD GlaxoSmithKline Pte Ltd.	16	1
7	VPĐD Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	12	0
8	Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm Trung ương 1	11	0
9	VPĐD Pfizer (Thailand) Ltd.	6	1
10	VPĐD AstraZeneca Singapore Pte Ltd.	5	2
11	VPĐD Diethelm & Co., Ltd.	5	0
12	VPĐD Gedeon Richter Plc	5	0



13	VPĐD AbbVie BioPharmaceuticals GmbH	4	4
14	VPĐD Aguetant	3	0
15	VPĐD Boehringer Ingelheim Int. GmbH	3	0
16	VPĐD Sanofi Pasteur S.A.	3	1
17	VPĐD Abbott Laboratoires S.A	2	0
18	VPĐD Polpharma	2	1
19	VPĐD Pierre Fabre S.A	2	0
20	CTCP Otsuka OPV	1	0
21	VPĐD A. Menarini Singapore Pte. Ltd.	1	1
	<b>Tổng</b>	<b>360</b>	<b>40</b>

Số lượng báo cáo được gửi nhiều nhất từ Công ty Hoffmann La Roche Ltd. với 132 báo cáo (chiếm 36,7%). Tổng số ca tử vong là 40 trường hợp (chiếm 11,1% so với tổng số trường hợp nghiêm trọng được báo cáo).

## 2.2. Thông tin về thuốc nghi ngờ gây phản ứng có hại từ các báo cáo nghiêm trọng

Danh sách các thuốc nghi ngờ (đang được lưu hành) gây ADR xảy ra nhiều nhất được trình bày trong bảng 16.

**Bảng 16: Danh sách các thuốc nghi ngờ được báo cáo nhiều nhất**

STT	Hoạt chất	Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Imatinib	48	13,3%
2	Vắc xin và sinh phẩm y tế*	30	8,3%
3	Peginterferon alpha 2a	28	7,8%
4	Erlotinib	18	5,0%
5	Rituximab	18	5,0%
6	Tocilizumab	13	3,6%
7	Ribavirin	11	3,1%
8	Alendronat/cholecalciferol	8	2,2%
9	Capecitabin	8	2,2%
10	Trastuzumab	8	2,2%

**(\*) Bảng 17: Các loại vắc xin được báo cáo**

STT	Tên vắc xin và sinh phẩm y tế	Tần số
1	Vắc xin 5 trong 1	9
2	Vắc xin ngừa bạch hầu, uốn ván, ho gà, viêm gan B, bại liệt, Hib	6
3	Vắc xin ngừa tiêu chảy do Rotavirus	3
4	Vắc xin phòng Papillomavirus (HPV) typ 16 và 18 ở người	3
5	Huyết thanh kháng dại	2
6	Vắc xin phòng dại	2
7	vắc xin phòng lao	1
8	Vắc xin ngừa phế cầu khuẩn polysacarid	1
9	Vắc xin bại liệt đường uống	1
10	Vắc-xin tái tổ hợp tứ giá ngừa Papillomavirus typ 6, 11, 16, 18 ở người	1
11	Vắc xin viêm gan B	1

Imatinib là thuốc được báo cáo với tần suất cao nhất (chiếm 13,3%). Vắc xin và sinh phẩm y tế cũng được báo cáo với 1 tỷ lệ đáng kể (8,3%). Trong đó, vắc xin 5 trong 1 được báo cáo với tần suất cao nhất (9 báo cáo – chiếm 2,5%).

Trong 3 quý đầu năm 2014, Trung tâm DI&ADR Quốc gia đã ghi nhận được 33 báo cáo ADR từ các thử nghiệm lâm sàng. Trong đó, có 01 trường hợp nào tử vong được kết luận không liên quan đến thuốc. Số lượng về thuốc nghi ngờ từ thử nghiệm lâm sàng được thống kê trong bảng 18.

**Bảng 18: Các thuốc nghi ngờ được báo cáo**

STT	Hoạt chất	Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Cyclophosphamid	19	5,3%
2	Doxorubicin	19	5,3%
3	docetaxel	18	5,0%
4	Erlotinib	3	0,8%
5	Peginterferon alpha 2a	3	0,8%
6	Capecitabin	2	0,6%
7	Cisplatin	2	0,6%
8	Epirubicin hydroclorid	2	0,6%
9	Rituximab	2	0,6%
10	Rivaroxaban	2	0,6%
11	Choriogonadotropin alfa	1	0,3%
12	Corifollitropin alfa	1	0,3%
13	Follitropin beta	1	0,3%
14	Ganciclovir	1	0,3%
15	Gefitinib	1	0,3%
16	Oxaliplatin	1	0,3%
17	Tenofovir	1	0,3%
18	Valganciclovir	1	0,3%

## KẾT LUẬN

Trong 3 quý đầu năm 2014, Trung tâm DI & ADR Quốc gia và Trung tâm DI&ADR khu vực TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận, xử lý 5804 báo cáo ADR tương ứng với 65,38 báo cáo/1 triệu dân. Số báo cáo ADR đã tiếp nhận bao gồm 5353 báo cáo được gửi từ các cơ sở khám, chữa bệnh, 98 báo cáo tự nguyện có chủ đích (TSR) gửi từ các cơ sở điều trị HIV/AIDS và 360 báo cáo được gửi từ các đơn vị sản xuất và kinh doanh dược phẩm (trong đó, có 7 báo cáo trùng với báo cáo từ các cơ sở khám, chữa bệnh). Các báo cáo này được gửi từ 580 cơ sở điều trị và 21 đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai thành phố có tỷ lệ báo cáo ADR cao nhất (tương ứng 18,0% và 15,4%). Tỉnh Quảng Ninh tiếp tục là địa phương có công tác báo cáo ADR hiệu quả nhất với số báo cáo/1 triệu dân cao nhất trong cả nước 301,6 báo cáo/1 triệu dân. Đối tượng thực hiện báo cáo chủ yếu là bác sĩ (37,0%), phần lớn báo cáo được gửi từ các đơn vị ở vùng Đông Nam bộ và đồng bằng sông Hồng, từ các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa và bệnh viện thuộc khối công lập.

Số báo cáo đã được thẩm định và phản hồi là 2911 báo cáo (chiếm 50,15% tổng số báo cáo ADR). Số báo cáo ADR nghiêm trọng là 2289 báo cáo (chiếm 39,4% tổng số báo cáo ADR). Nhóm kháng sinh nhóm beta-lactam khác (cephalosporin thế hệ từ 1 đến 4, carbapenem...), nhóm thuốc điều trị lao (streptomycin, rifampicin/ isoniazid/ pyrazinamid, ethambutol, pyrazinamid) và nhóm kháng sinh nhóm aminoglycosid được báo cáo nhiều nhất với tỷ lệ tương ứng là 32,2%, 14,0%, 8,3%. Trong đó, thuốc được báo cáo nhiều nhất là cefotaxim (11,7%).

Chất lượng báo cáo nhìn chung đã cải thiện hơn so với các năm trước, tuy nhiên vẫn tồn tại các báo cáo thiếu nhiều thông tin gây khó khăn cho công tác thẩm định và phát hiện các ADR cần đến các xét nghiệm thăm dò chức năng chuyên biệt như chức năng gan, thận, nội tiết, huyết học,...

Để tăng cường hiệu quả công tác báo cáo phản ứng có hại của thuốc, Trung tâm DI&ADR Quốc gia đề xuất:

- Các cơ quan quản lý của Bộ Y tế, Sở Y tế, Y tế ngành cần tăng cường các biện pháp khuyến khích và giám sát báo cáo ADR từ các cơ sở khám, chữa bệnh và các đơn vị trong phạm vi quản lý chuyên môn của mình.
- Cơ sở khám, chữa bệnh xây dựng quy trình báo cáo ADR, phổ biến đến các cán bộ y tế trong bệnh viện, khuyến khích báo cáo, tập huấn, hỗ trợ cán bộ y tế báo cáo ADR.
- Trung tâm DI&ADR Quốc gia và Trung tâm DI&ADR khu vực TP. Hồ Chí Minh đẩy mạnh công tác thẩm định, phản hồi cho cá nhân, đơn vị gửi báo cáo và kiến nghị chuyên môn đến cơ quan quản lý của Bộ Y tế trong trường hợp cần thiết.